

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 04**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đệm vòng tròn
1	2120120663	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	16/02/2002	CCQ2012H						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
2	2120120210	NGUYỄN THỊ MỸ ANH	18/10/2002	CCQ2012G						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
3	2120120143	NGUYỄN THỊ BÌNH	09/08/2000	CCQ2012E						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
4	2120120211	NGUYỄN NGỌC BĂNG CHÂU	24/02/2002	CCQ2012G						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
5	2120120245	NGUYỄN THỊ KIM CƯƠNG	02/09/2002	CCQ2012H						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
6	2120120246	HỒ ĐỨC DANH	17/12/2001	CCQ2012H							(V) (0) (1) (2) (3) (4)
7	2120120248	NGUYỄN VĂN DŨNG	03/04/2001	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
8	2120120146	NGUYỄN THỊ GIANG	13/05/2001	CCQ2012E						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
9	2120120213	NGUYỄN VŨ XUÂN GIANG	06/08/2002	CCQ2012G						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
10	2120120249	LÊ THÚY HẰNG	28/04/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
11	2120120250	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	27/06/2001	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
12	2120120251	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	03/11/1999	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
13	2120120252	NGUYỄN NHO HÙNG	26/09/2000	CCQ2012H						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
14	2120120214	NGUYỄN HỮU HUY	12/10/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
15	2120120215	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	20/07/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
16	2120120155	TRẦN KHÁNH HUYỀN	11/07/2001	CCQ2012E						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
17	2120120253	NGUYỄN THỊ NHƯ LAN	18/07/2002	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
18	2120120217	NGUYỄN THỊ LÊ	06/02/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
19	2120120254	LA THỊ DƯƠNG LIÊN	02/02/2002	CCQ2012H						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
20	2120120255	NGUYỄN THỊ LIÊN	30/04/2002	CCQ2012H						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 04**
 CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn ch
21	2120120256	HỒNG THỊ MỸ LINH	02/02/2002	CCQ2012H						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
22	2120120219	HUỖNH PHƯƠNG HOÀI LINH	20/08/2001	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
23	2120120257	LÊ THỊ MỸ LINH	08/10/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
24	2120120664	LÊ VĂN LỰC	02/07/2002	CCQ2012H					9		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
25	2120120370	LÊ THỊ THÚY MAI	20/01/2001	CCQ2012K						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
26	2120120665	LÊ VĂN MINH	15/07/2002	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
27	2120120221	LÊ HÀ MY	05/10/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
28	2120120259	PHẠM THỊ MỸ NA	10/11/2001	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
29	2120120222	MAI KIM NHÂN	17/08/2001	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
30	2120120224	HỒ THỊ YẾN NHI	20/04/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
31	2120120223	PHẠM THỊ TUYẾT NHI	26/01/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
32	2120120658	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	19/04/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
33	2120120225	CHÂU NGỌC QUỲNH NHƯ	01/09/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
34	2120120262	LÂM KHẢ NHƯ	24/09/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
35	2120120263	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	09/12/2002	CCQ2012H						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
36	2120120226	NGUYỄN THỊ GẤM NỮ	02/02/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
37	2120120264	HUỖNH TUYẾT OANH	29/11/2002	CCQ2012H						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
38	2120120227	LÊ TRỌNG PHÚC	28/10/2001	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
39	2120120265	LÊ THỊ TRÚC PHƯƠNG	13/06/2002	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)
40	2120120659	TRẦN THỊ PHƯƠNG	20/06/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 04**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn
41	2120120229	LÊ THỊ QUANH	04/01/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
42	2120120666	NGUYỄN VĂN QUÂN	25/02/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
43	2120120635	NGUYỄN THỊ THÚY	26/06/2002	CCQ2012C						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
44	2120120266	TRẦN THỊ LÊ	14/11/2002	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
45	2120100160	PHAN THỊ XUÂN	15/05/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
46	2120120267	NGUYỄN THỊ HỒNG	21/03/2002	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
47	2120120230	NGUYỄN HOÀNG	01/01/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
48	2120120268	TRẦN THỊ THU	16/10/2002	CCQ2012H						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
49	2120120269	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/09/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
50	2120120270	TRẦN QUỐC	12/08/2002	CCQ2012H						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
51	2120120231	VÕ HỒNG	22/04/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
52	2120120232	ĐỖ THU	15/09/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
53	2120120095	PHẠM THỊ	25/10/2002	CCQ2012C						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
54	2120120271	NGUYỄN THỊ	25/06/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
55	2120120233	ĐẶNG NGỌC	20/11/2002	CCQ2012G							(V) (0) (1) (2) (3) (4)
56	2120120234	MAI THỊ THANH	09/09/2002	CCQ2012G						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
57	2120120235	HOÀNG ANH	04/06/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
58	2120120236	QUẦN NGỌC ANH	15/11/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
59	2120120660	LÊ THỊ THANH	21/08/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
60	2120120273	TRƯƠNG THỊ THÚY	27/06/2002	CCQ2012H						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 04**

CBGD: **Đinh Thị Diệu Thúy (260016)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng
61	2120120661	NGUYỄN THỊ THU TRANG	02/07/2002	CCQ2012G						7.5	(V) (0) (1) (2) (3)
62	2120120275	ĐẶNG THỊ DIỄM TRÂM	19/08/2001	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
63	2120120239	NGUYỄN ĐỨC MINH TRIỀU	25/07/2000	CCQ2012G							(V) (0) (1) (2) (3)
64	2120120240	NGUYỄN THỊ TRÚC	20/09/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
65	2120120241	TRẦN THANH TÚ	16/07/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
66	2120120276	NÔNG THỊ TUYẾN	08/11/2002	CCQ2012H						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
67	2120120242	NGÔ HOÀNG TÚ UYÊN	11/03/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
68	2120120243	LƯƠNG HUYỀN VI	16/06/2001	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
69	2120120277	LÊ TRẦN HẠ VY	15/01/2002	CCQ2012H						7.0	(V) (0) (1) (2) (3)
70	2120120244	HỨA MỸ XUÂN	21/03/2002	CCQ2012G						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)